TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Son.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hồng Minh;
2. Ông Nguyễn Hồng Khanh.

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Đỗ Huy Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 57/4, ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông D, sinh năm 1968; nơi ĐKHKTT: 7925 C, VA, USA; nơi ở hiện nay: N, S, F, USA; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và ông D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ngày 24-4-2015.

Sau khi kết hôn chị sống tại Việt Nam còn ông D sống tại Việt Nam được 02 tháng thì về Hoa Kỳ sinh sống. Do từ năm 2015 đến nay chị và ông D không gặp nhau, không liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn; nên chị yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông D: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở lại phiên họp hòa giải, mở phiên tòa và mở lại phiên tòa cho ông D và đã nhận được kết quả tống đạt nhưng ông D không có ý kiến và vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tống đạt thông báo, văn bản cho đương sự, giao thông báo thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T; cho chị T được ly hôn ông D.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung, chị T trình bày không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông D đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở lại phiên họp hòa giải, mở phiên tòa và mở lại phiên tòa, đã nhận được kết quả tống đạt nhưng ông D không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa.

Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và ông D.

[2] Về nội dung: Chị T và ông D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ngày 24-4-2015. Sau khi kết hôn từ năm 2015 đến nay chị T sống tại Việt Nam còn ông D sống tại Hoa Kỳ và hai vợ chồng không gặp nhau.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng hai bên không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo quy định trên.

Nay chị T sống tại Việt Nam còn ông D sống tại Hoa Kỳ, chị T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn ông D.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và ông D trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với ông D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, nên không đặt ra giải quyết.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với ông D là có căn cứ.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu 200.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; 95 USD chi phí thực hiện ủy thác tư pháp cho ông D.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của chị T đối với ông D.

2. Cho chị T ly hôn ông D.

3. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng khác: Chị T phải chịu 200.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài đã nộp theo biên lai thu số 0019987 ngày 25-4-2019, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; 95 USD chi phí thực hiện ủy thác tư pháp cho ông D, ghi nhận đã nộp xong.

5. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000905 ngày 18-4-2019, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

6. Chị T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ông D được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Son